

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Hạ tầng Khu tái định cư Vĩnh Xương mở rộng

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hạ tầng Khu tái định cư Vĩnh Xương mở rộng tại kết quả thẩm định họp ngày 21 tháng 10 năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hạ tầng Khu tái định cư Vĩnh Xương mở rộng đã được chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị phê duyệt gửi kèm Công văn số 619/BQLKKT-QLMT ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

hnlw5

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hạ tầng Khu tái định cư Vĩnh Xương mở rộng (sau đây viết tắt là Dự án) của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang (sau đây viết tắt là Chủ dự án) thực hiện tại xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang với các nội dung chính, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

3. Đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày đảm bảo toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A) trước khi xả ra môi trường (hoàn thành trước khi bố trí dân cư vào ở). Chủ dự án có biện pháp thu gom, thoát nước chảy tràn theo chân taluy dọc biên dự án đảm bảo không gây ra ngập úng, ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

4. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Trường hợp có thay đổi Chủ dự án, Chủ dự án mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. / *senlan5*

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, KH&CN;
- UBND thị xã Tân Châu;
- Ban Giám đốc;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Trung tâm Công nghệ thông tin (công khai kết quả giải quyết TTHC);
- Phòng TNMT thị xã Tân Châu;
- UBND xã Vĩnh Xương;
- Chi cục BVMT, Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, Phú(2b) *✓*

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Trí

Nguyễn Việt Trí

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN HẠ TẦNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ VĨNH XƯƠNG MỞ RỘNG
(Kèm theo Quyết định số 391/QĐ-STNMT ngày 11 tháng 5 năm 2022
của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Hạ tầng Khu tái định cư Vĩnh Xương mở rộng.
 - Chủ dự án: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang.
 - Địa chỉ liên hệ: Số 99 Nguyễn Thái Học nối dài, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 - Địa điểm thực hiện: xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.
 - Loại hình dự án: Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu dân cư.
- 1.1. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:
- Phạm vi dự án được xác định theo tọa độ các điểm giới hạn của Dự án:

Điểm gốc tọa độ	Tọa độ (VN 2000)	
	X (m)	Y (m)
A	1205162.793	546126.924
B	1205166.056	546166.383
C	1205177.233	546170.412
D	1205186.38	546304.968
E	1205173.331	546385.225
F	1205191.483	546394.273
G	1205188.676	546443.251
H	1205166.438	546438.472
I	1205148.962	546438.606
J	1204940.165	546457.812
K	1204907.869	546457.858
L	1204895.881	546270.504
M	1204875.531	546271.735
N	1204875.51	546256.321
O	1204891.879	546255.751



Điểm gốc tọa độ	Tọa độ (VN 2000)	
	X (m)	Y (m)
P	1204883.214	546150.381

- Quy mô tổng diện tích sử dụng đất của dự án là 80.518 m², trong đó bố trí các hạng mục công trình gồm:

1) Các hạng mục công trình chính: Đất ở diện tích 24.582,40 m²; đất công trình công cộng – UBND xã Vĩnh Xương diện tích 9.000 m² và đất giáo dục diện tích 4.351,30 m².

2) Các hạng mục công trình phụ trợ: Đất công viên cây xanh diện tích 3.126,60 m², đất giao thông + đường nội bộ + hẻm kỹ thuật diện tích 34.008,30 m² và đất taluy + đất thủy lợi diện tích 5.249,40 m².

3) Công trình xử lý môi trường: Đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải diện tích 200 m².

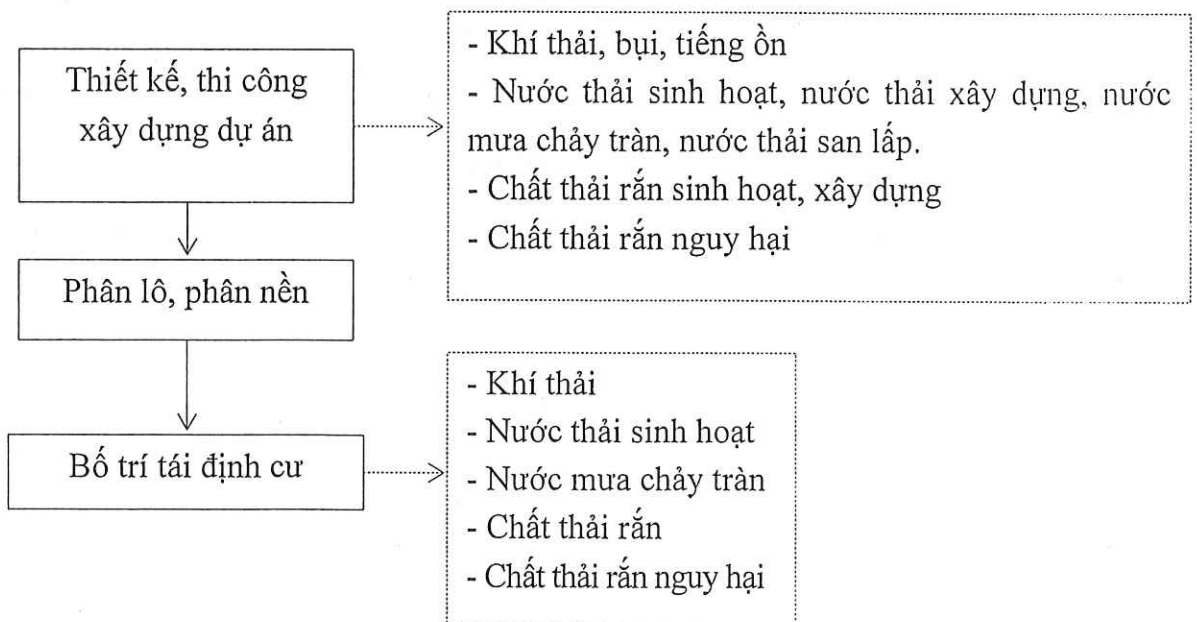
- Công suất thiết kế: quy hoạch 15 lô, bố trí 313 nền nhà ở liên kế tái định cư, quy mô dân số khoảng 1.500 người.

- Tổng vốn đầu tư dự án: 86.412.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi sáu tỷ bốn trăm mười hai triệu đồng*).

- Tiến độ thi công xây dựng công trình, hoàn thành hạ tầng kỹ thuật: quý III năm 2022 đến quý I năm 2024.

(Riêng đối với phần diện tích 517 m² đất ở tại Lô 13 và 748 m² đất ở tại Lô 14 nằm ngoài ranh quy hoạch dự án không thuộc phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường này)

1.2. Quy trình, công nghệ chính của Dự án:



1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, điện, nước, hóa chất sử dụng của dự án

- Nguyên, nhiên, vật liệu trong quá trình thi công: Cát san lấp 242.509,8 m³; nguyên, vật liệu xây dựng hạng mục giao thông (cát đen, vàng 15.262,06 m³, đá các loại 3.197,41 m³, nhựa 118.655,1 kg,...).

- Nhu cầu sử dụng điện, nước, hóa chất sử dụng trong quá trình hoạt động dự án: Nhu cầu sử dụng điện 3.315.802,8 KW/năm; nước sạch 254,665 m³/ngày và hóa chất Clo 3 kg/ngày.

2. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh của dự án

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

* Trong giai đoạn thi công

- Nước mưa chảy tràn: Lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án khoảng 223,52 m³/ngày, thành phần chủ yếu: các chất lơ lửng.

- Nước thải san lấp: Lưu lượng nước thải san lấp ước tính 1.077,82 m³/ngày; thành phần chủ yếu cặn lơ lửng, bụi, đất cát,...

- Nước thải xây dựng: Lưu lượng nước thải thi công xây dựng công trình ước tính 2,2 m³/ngày; thành phần chủ yếu có hàm lượng TSS cao (>500 mg/l), dầu nhớt, bụi, cát,...

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng ước tính 1,8 m³/ngày; thành phần chủ yếu: chất hữu cơ, dầu mỡ, BOD, COD, Nitơ, Phốt pho,...

* Trong giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa qua dự án vào thời điểm cao nhất ước tính 838,19 m³/ngày; thành phần chủ yếu: chất rắn (bụi vô cơ).

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng nước thải khoảng 231,685 m³/ngày; thành phần chủ yếu: BOD, COD, các chất dinh dưỡng N, P và *Coliforms*,...

- Nước thải xây dựng: Lưu lượng nước thải khoảng 2 m³/ngày thành phần có hàm lượng TSS cao (200 mg/l), COD (50-80 mg/l),...

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

* Trong giai đoạn thi công

Bụi đất, cát trong quá trình vận chuyển và bốc dỡ nguyên vật liệu, khí thải từ các phương tiện thi công cơ giới, bụi và khí thải từ hoạt động xây dựng. Loại chất thải này có tính chất chủ yếu bụi đất, bụi cát và khí thải ô nhiễm như SO₂, NO_x, CO, THC,...

* Trong giai đoạn vận hành

- Bụi và khí thải từ hoạt động giao thông của người dân, bụi và khí thải từ hoạt động xây dựng và khí thải, mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thành phần chủ yếu bụi và mùi hôi ngoài ra còn có các khí thải như H₂S, NH₃, CO, SO₂,...

- Việc sử dụng nhiên liệu vào việc nấu nướng hàng ngày sẽ phát sinh khí thải gây ô nhiễm không khí.

- Mùi hôi tại khu vực hệ thống thoát nước thải và khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

** Trong giai đoạn thi công*

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 13,5 kg/ngày; thành phần chủ yếu là các loại rác hữu cơ, thức ăn thừa, giấy,...

- Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng 5,5 kg/ngày; thành phần chủ yếu là sắt vụn, bao bì,...

- Chất thải phát quang: Khối lượng phát sinh khoảng 19.773,57 kg/ngày.

** Trong giai đoạn vận hành*

- Rác thải sinh hoạt của dân cư: Khối lượng phát sinh khoảng 1.547,1 kg/ngày. Thành phần đặc trưng là các chất dễ phân hủy như: rau, củ thừa, hư hỏng, phụ phẩm từ quá trình chế biến,...

- Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: Khối lượng phát sinh khoảng 56,07 kg/ngày.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

** Trong giai đoạn thi công:* Khối lượng phát sinh khoảng 5 kg/tháng; thành phần chủ yếu giẻ lau dính nhớt, thùng đựng dầu nhớt, bóng đèn hỏng,...

** Trong giai đoạn vận hành:* Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 13 kg/tháng; thành phần chủ yếu giẻ lau dính nhớt, thùng đựng dầu nhớt, bóng đèn hỏng, bao bì mềm,...

2.5. Quy mô, tính chất của tiếng ồn, độ rung:

** Trong giai đoạn thi công:* tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các nguồn máy trộn bê tông, máy ủi, máy đầm, máy hàn; phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng; hoạt động cưa cắt các vật liệu xây dựng; hoạt động vận chuyển, khuân vác máy móc...

** Trong giai đoạn vận hành:* tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào dự án, từ các thiết bị âm thanh loa, sinh hoạt của người dân.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

** Trong giai đoạn thi công*

- Nước mưa chảy tràn: Tổ chức đội vệ sinh thu gom ngay vật liệu rơi vãi trên đường tránh lượng vật liệu rơi vãi bị cuốn trôi gây tắc, bồi lắng dòng chảy. Vệ sinh sạch sẽ khu vực gia công để nước mưa không cuốn chất thải rắn còn sót lại của quá trình thi công. Tạo các rãnh thu gom nước mưa chảy tràn trên công

trường thi công về các hố lắng để thực hiện lắng tách cặn trước khi chảy tràn ra khu vực ngoài công trường, đảm bảo không gây ngập úng cục bộ khu vực công trường thi công.

- Nước thải san lấp: được thu gom về ao lắng với thể tích 150 m^3 (kích thước $D \times R \times H = 10\text{m} \times 10\text{m} \times 1,5\text{m}$), thời gian lưu nước 4 giờ. Nước thải san lấp sau khi qua ao lắng đảm bảo đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thoát vào tuyến thoát nước mưa của Khu tái định cư Vĩnh Xương hiện hữu và cuối cùng thoát ra kênh Vĩnh Xương cũ.

- Nước thải thi công xây dựng: bố trí hố lắng được lót vải bạt chống thấm thể tích $2,25 \text{ m}^3$ (kích thước $D \times R \times H = 1,5\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1\text{m}$), mục đích để lắng cặn trong nước thải xây dựng (vôi vữa, xi măng, cát, đá...). Lượng nước thải sau khi lắng 2 giờ, phần nước trong đảm bảo đạt Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, sử dụng để tưới ẩm mặt bằng công trình hoặc sử dụng rửa vật liệu xây dựng.

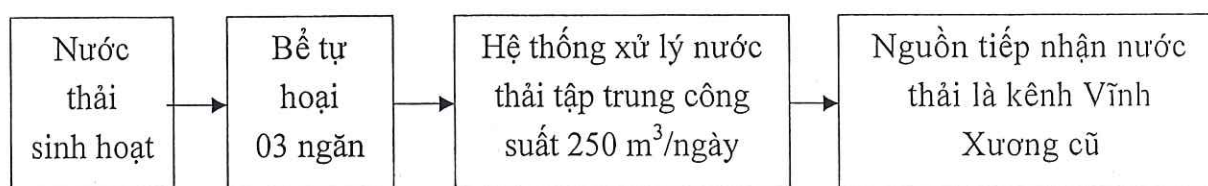
- Nước thải sinh hoạt: trang bị 02 nhà vệ sinh di động bằng vật liệu composite có kích thước ($D \times R \times H = 120\text{cm} \times 90\text{cm} \times 250\text{cm}$). Sử dụng loại nhà vệ sinh di động có bể tự hoại dung tích 3 m^3 để thu gom nước thải. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B). Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút cặn bằng phương tiện chuyên dụng, đem đi xử lý và không thải trực tiếp ra môi trường.

** Trong giai đoạn vận hành*

- Nước mưa chảy tràn: bố trí dọc hai bên đường của hệ thống giao thông công thoát nước dọc $\varnothing 600$, $\varnothing 800$ và $\varnothing 1000$, những vị trí dọc tuyến sử dụng công thoát nước vỉa hè, vị trí giao giữa các đường sẽ bố trí công thoát nước ngang đường. Hệ thống nước mưa và mương tiêu úng được dẫn về vị trí $\varnothing 1200$, $\varnothing 1500$ băng qua lộ và chạy dọc vỉa hè bên phải thuộc lộ Hàng Me dẫn về cửa xả thoát ra kênh Vĩnh Xương cũ. Nước mưa chảy tràn đạt quy chuẩn cho phép theo quy định của QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột A) và không làm ngập úng ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

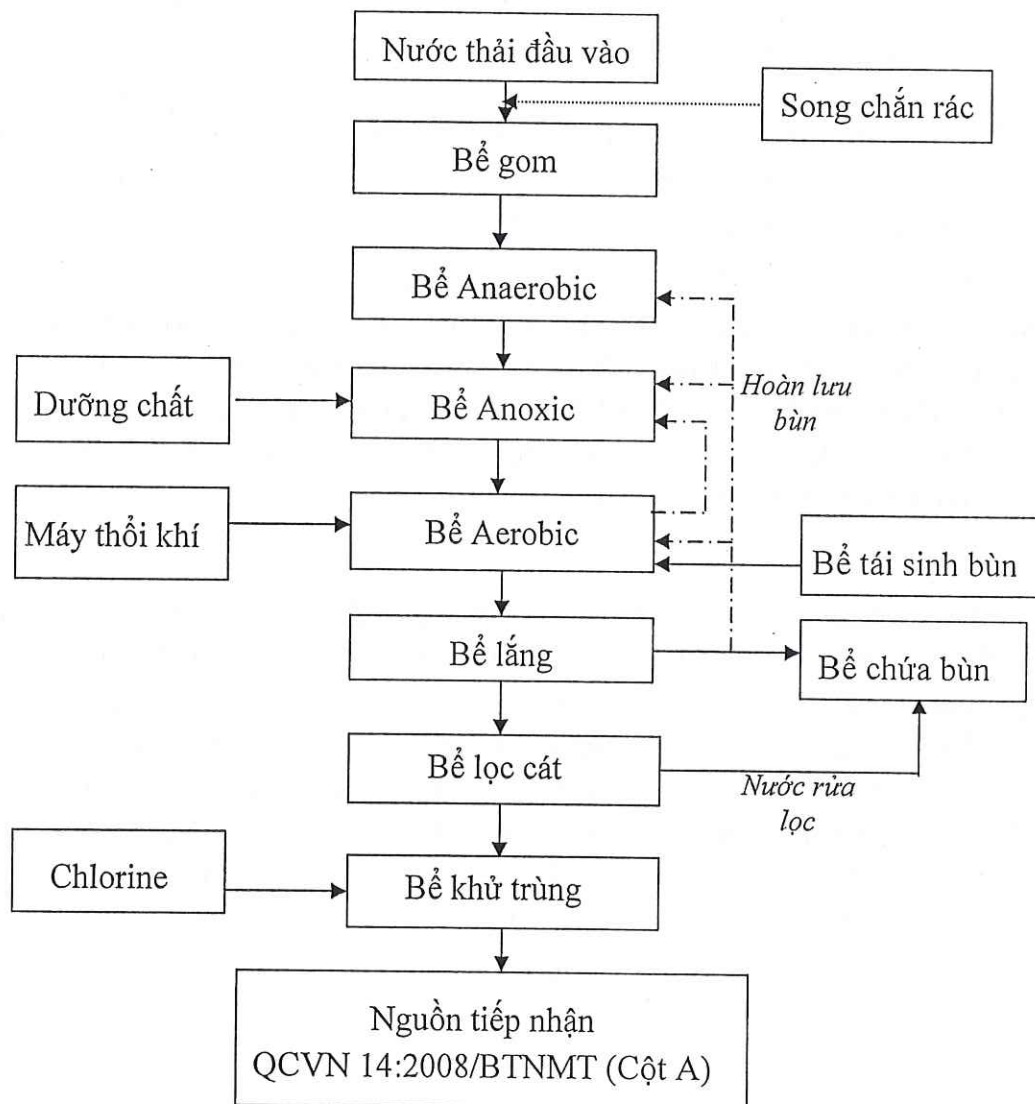
- Nước thải sinh hoạt: Hệ thống thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

Nước thải phát sinh tại dự án chủ yếu từ các hoạt động ăn uống, tắm giặt, vệ sinh,... hằng ngày của các hộ dân. Nước thải được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $250 \text{ m}^3/\text{ngày}$ theo sơ đồ sau:



Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua hầm tự hoại của hộ dân trước khi thải ra mương thu nước B300 phía sau nhà. Nước thải từ mương B300 được dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng ống HDPE Ø200mm (Tổng chiều dài mương bằng gạch xây B300 dự kiến là 1.025,5m; tổng chiều dài ống HDPE Ø200mm là 1.129,3m). Chủ dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày. Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT sau đó thoát ra kênh Vĩnh Xương cũ bằng đường ống HDPE Ø200, thông qua 1 cửa xả với kích thước Ø315.

Sơ đồ quy trình công nghệ thống xử lý nước thải của dự án:



3.2. Về xử lý bụi, khí thải, mùi hôi:

* Trong giai đoạn thi công

- Kiểm soát bụi từ các hoạt động xây dựng các hạng mục công trình của dự án bằng biện pháp phun nước làm ẩm bề mặt khu vực công trường tần suất phun ẩm: 2 – 3 lần/ngày. Không chuyên chở nguyên, vật liệu vượt tải trọng quy định. Phương tiện vận chuyển vật liệu phục vụ thi công xây dựng được dùng tấm bạt che chắn để hạn chế rơi rớt vật tư, hạn chế bụi phát tán ra môi trường không khí. Không dùng các phương tiện vận chuyển quá cũ và không chở vật liệu rời quá đầy, bảo đảm an toàn, không để rò rỉ, rơi vãi khi vận chuyển;

- Khi bốc xếp vật liệu xây dựng, công nhân sẽ được trang bị bảo hộ lao động cá nhân để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi tới sức khỏe. Sử dụng các phương tiện máy móc, thiết bị thi công hiện đại và nhiên liệu đúng chất lượng quy định, đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải phát sinh. Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân để tránh ảnh hưởng bởi nhiệt, khí và tai nạn lao động có thể xảy ra.

Các giải pháp giảm thiểu trên phải đảm bảo cho môi trường không khí xung quanh đạt các Quy chuẩn cho phép theo quy định của QCVN 05:2013/BTNMT.

* Trong giai đoạn vận hành

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện giao thông ra vào dự án: Bố trí biển chỉ dẫn, người điều tiết giao thông, hướng dẫn người đi lại; Các phương tiện giao thông vận tải khi chạy trong khuôn viên dự án phải giảm tốc độ; Bê tông hóa sân, đường nội bộ, phun nước vào những ngày nắng nóng để hạn chế bụi; Trồng và thường xuyên chăm sóc cây xanh trong khuôn viên dự án nhằm tạo sự thoáng mát, hạn chế ồn cũng như ngăn bụi phát tán ra môi trường xung quanh, điều hòa vi khí hậu; Thường xuyên vệ sinh các tuyến đường trong nội ô dự án, định kỳ 1 lần/ngày.

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động xây dựng nhà ở trong quá trình vận hành của khu vực dự án: Yêu cầu đơn vị thi công và chủ nhà ở phải có biện pháp đảm bảo hạn chế giảm thiểu việc phát tán lượng bụi ra môi trường làm ảnh hưởng chung đến khu vực; Giám sát đối với các hoạt động vận chuyển và thi công xây dựng. Che chắn khu vực thi công bằng hàng rào có độ cao ít nhất 2m; Xe vận chuyển ra vào khu vực phải được rửa sạch bụi bám, có bạt che phủ tránh rơi vãi.

- Mùi hôi từ hồ ga, khu vực tập kết rác thải và hệ thống xử lý nước thải: Khai thông cống rãnh, nạo vét thường xuyên tại các đường cống, hồ ga,... Định kỳ 01 tuần/lần kiểm tra hệ thống thu gom nước thải nhằm tránh hiện tượng nước thải bị rò rỉ gây mùi hôi. Vệ sinh song chắn rác ở bể gom 2 lần/tuần. Định kỳ 02 lần/ngày phun xịt khử mùi trên bề mặt các bể xử lý (trường hợp phát sinh mùi hôi) và lấy bùn thải với tần suất 2 lần/tuần được tổ chức thường xuyên. Các thùng chứa các loại chất thải rắn chờ thu gom phải có trang bị nắp đậy kín và

định kỳ 01 tuần/lần phải được vệ sinh sạch sẽ. Trồng và duy trì hệ thống cây xanh xung quanh dự án, trồng thêm cây xanh và thảm cỏ trong dự án để hạn chế bụi và mùi hôi.

Các giải pháp giảm thiểu trên phải đảm bảo cho môi trường không khí xung quanh đạt quy chuẩn cho phép theo quy định của QCVN 05:2013/BTNMT và không làm phát sinh nguồn thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh bên ngoài dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

* Trong giai đoạn thi công

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí khoảng 5 thùng rác loại 120 lít có nắp đậy đặt tại các khu vực thi công. Cuối ngày phân công công nhân thu gom về cặp tuyến đường lộ Hàng Me. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, chuyển đi xử lý định kỳ 1 lần/ngày theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn xây dựng phát sinh trên công trường xây dựng theo kế hoạch quản lý chất thải rắn xây dựng. Các loại sắt, thép vụn sẽ được thu gom lại vào các bao 50kg và bán cho các cơ sở thu mua, tái chế định kỳ 1 tháng/lần; Các loại rác khác như bao giấy (bao xi măng), thùng nhựa... tách riêng để bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Các chất thải như: Đất, cát, xà bần xúc đem đi san lấp nền, xử lý đúng quy định. Bố trí 02 thùng chứa 120 lít có nắp đậy để thu gom các chất thải không thể tái chế và tận dụng lại, hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định.

* Trong giai đoạn vận hành

- Rác thải sinh hoạt: trang bị 20 thùng chứa rác thể tích 120 lít có nắp đậy kín bố trí nằm dọc các tuyến đường với khoảng cách 100m/thùng để người đi đường để rác vào. Tại công viên cây xanh bố trí 04 thùng chứa có thể tích 120 lít để người dân để rác vào. Tại trường học trang bị 13 thùng chứa rác có thể tích 40 lít có nắp đậy tại mỗi phòng học để học sinh để rác vào, cuối ngày rác thải sẽ thu gom về điểm tập kết trong khuôn viên trường học. Rác thải tại trụ sở UBND xã Vĩnh Xương bố trí 03 thùng chứa rác thể tích 100 lít để thu gom. Chủ dự án tuyên truyền việc rác thải sinh hoạt mỗi ngày trước khi được thu gom được phân loại ngay tại hộ gia đình. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom hằng ngày và bố trí công nhân vệ sinh các tuyến đường trong khu vực mỗi ngày để thu gom các loại rác thải rơi vãi trong quá trình tập kết của người dân.

- Chất thải rắn xây dựng công trình nhà ở: Rác thải được thu gom, phân loại tại nguồn đối với rác thải có khả năng tái chế, tái sử dụng sẽ được hộ dân tái sử dụng hoặc bán cho các cơ sở thu mua phế liệu; đối với rác thải không tái chế được tập trung về các thùng rác, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

- Bùn thải từ hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tập trung: Định kỳ tiến hành nạo vét lượng bùn phát sinh tại các hố ga; khi đi vào vận hành, chủ đầu tư

tiến hành lấy mẫu bùn thải đem phân tích và phân định bùn thải theo quy định. Nếu bùn thải của hệ thống thuộc chất thải thông thường thì Chủ dự án sẽ tiến hành thu gom tận dụng bón cây xanh hoặc hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý định kỳ tối thiểu 2 tuần/lần. Nếu bùn thải của hệ thống có chứa thành phần nguy hại sẽ được quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

* Trong giai đoạn thi công:

Trang bị 04 thùng chứa có thể tích 60 lít, chất liệu bằng nhựa, nắp đậy kín, có dán chữ và biểu tượng nguy hại. Bố trí 01 kho tạm có diện tích khoảng 6m² được thiết kế theo quy định, đặt trong khu lán trại. Định kỳ 6 tháng/lần lượng chất thải rắn này sẽ được chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực, điều kiện theo quy định để thu gom, xử lý đúng quy định.

* Trong giai đoạn vận hành:

Trang bị 04 thùng chứa bằng nhựa có dung tích 60 lít có nắp đậy khác nhau, mỗi thùng chứa có dán nhãn để phân biệt và chứa trong kho chất thải nguy hại. Chất thải nguy hại được lưu trữ tạm thời trong 1 kho chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 6 m² đặt cạnh hệ thống xử lý nước thải của dự án, được ngăn kín đáo và có cửa ra vào riêng, có dán biển cảnh báo. Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực, điều kiện chuyển giao xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

* Trong giai đoạn thi công:

- Sử dụng các biện pháp thi công hoặc thiết bị có độ ồn thấp nhất có thể; Hạn chế các máy móc thi công có độ ồn lớn hoạt động đồng thời tại một vị trí thi công nhằm tránh hiện tượng cộng hưởng âm thanh; Đặt đệm lót đầu mũ cọc khi tiến hành ép cọc để giảm ồn; Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng thiết bị; Bố trí thời gian thi công hợp lý, tránh tình trạng bố trí các phương tiện, máy móc và thiết bị thi công gần nhau hoặc hoạt động cùng một lúc,... Chỉ tiêu tiếng ồn đạt QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu.

- Biện pháp thi công kết cấu bằng phương pháp cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động lực; Sử dụng vật liệu phi kim loại, thay thế nguyên lý làm việc khí nén bằng thủy khí, thay đổi chế độ tải làm việc; Biện pháp dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su, đệm đàn hồi cao su... được lắp giữa máy và bộ máy đồng thời được định kỳ kiểm tra hoặc thay thế,...Chỉ tiêu độ rung đạt QCVN QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu.



Handwritten signature or mark.

* Trong giai đoạn vận hành:

- Quy định xe máy, ô tô, tải xe chở nguyên vật liệu,... khi vào dự án phải giảm bớt tốc độ, không được sử dụng kèn xe khi không cần thiết để hạn chế gây tiếng ồn;

- Trang bị các thiết bị, máy móc thi công nhà ở thế hệ mới, hiện đại, tránh gây ồn, chấn động. Kiểm tra định kỳ, bôi trơn hoặc thay những chi tiết bị hư hỏng của các thiết bị.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Sự cố ngập úng, sạt lở đất: Tiến hành đào đắp tại chỗ, đào đắp đến đâu hoàn thiện và gia cố đến đó. Khu vực đất đắp cần đầm nén theo đúng yêu cầu. Khi bơm cát gần khu vực đê bao, bơm phải nhẹ cát và không bơm quá đầy gây tràn nước ra bên ngoài. Khi có sự cố xảy ra chủ dự án ngừng hoạt động san lấp và tiến hành khắc phục ngay tránh ảnh hưởng đến khu vực xung quanh dự án.

- Tai nạn giao thông: Tổ chức vận chuyển vật liệu thi công hợp lý như không bố trí nhiều xe chở vật liệu trên cùng tuyến vận chuyển, không vận chuyển vào các giờ cao điểm, mật độ giao thông cao; Tổ chức hướng dẫn và bố trí người phân luồng giao thông vào ra công trường thi công để tránh ùn tắc, ứ đọng lưu thông; Quy định tốc độ phương tiện khi vào dự án.

- Giảm rủi ro, sự cố tai nạn lao động: Công nhân làm việc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết.

- Giảm tác động đến an ninh trật tự: Chủ dự án sẽ kết hợp với đơn vị thi công và chính quyền địa phương để quản lý chặt chẽ các hoạt động của người lao động một cách hợp lý và hiệu quả như quản lý giờ giấc làm việc ở công trường thi công, quản lý thời gian ăn nghỉ và sinh hoạt của người lao động phù hợp với yêu cầu bảo vệ sức khỏe cho người lao động, tránh được các xung đột có thể xảy ra đồng thời tạo môi trường thân thiện trong quá trình phát triển kinh tế xã hội tại khu vực.

- Giảm rủi ro, sự cố cháy nổ: Chủ dự án sẽ thực hiện đúng theo luật Phòng cháy chữa cháy, tuân thủ các tiêu chuẩn TCVN 2622-1995, TCVN 5760 -1993, TCVN 5738-1993 và các quy định về phòng cháy chữa cháy khác. Bố trí các họng cứu hỏa trên trục đường để thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy. Phối hợp với các ban ngành của địa phương để có biện pháp hỗ trợ và phòng chống sự cố.

- Sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nguồn điện đảm bảo ổn định để máy móc, thiết bị hoạt động liên tục và thường xuyên. Kiểm tra thiết bị, máy móc thường xuyên, định kỳ 1 lần/tuần. Đảm bảo thiết kế đường ống xả thải đúng tải lượng, tuân thủ các yêu cầu vận hành. Khi xảy ra sự cố, Chủ dự án sẽ phối hợp với nhân viên kỹ thuật tiến hành sửa chữa, khắc phục sự cố để hệ thống nhanh chóng hoạt động trở lại. Ngoài ra, bố trí thiết bị hoạt động luân phiên, liên tục. Trường hợp, nếu 01 thiết bị bị sự cố, hư hỏng thì vẫn còn 01 thiết bị hoạt động tiếp, trong thời gian khắc phục sự cố.

Handwritten signature

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn;
- Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt;
- Hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày;
- Dụng cụ, thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt;
- Dụng cụ, thiết bị lưu giữ chất thải nguy hại và kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 6 m²;
- Các công trình bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng:

* Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí: 01 mẫu khí, đo tiếng ồn tại khu vực thi công dự án.
- Thông số: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng (TSP), NO₂, SO₂, CO.
- Tần suất: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

* Giám sát nước thải san lấp

- Vị trí: 01 mẫu nước thải san lấp sau ao lắng.
- Thông số: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng.
- Tần suất: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

* Giám sát nước thải sinh hoạt

- Vị trí: 01 mẫu nước thải sau xử lý của nhà vệ sinh.
- Thông số: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, amoni, nitrat, Phosphat.
- Tần suất: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

* Giám sát nước thải xây dựng

- Vị trí: 01 mẫu nước thải xây dựng sau hồ lắng.
- Thông số: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng.
- Tần suất: 03 tháng/lần.



- Quy chuẩn so sánh: Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

* *Giám sát chất thải rắn*

- Vị trí: các thùng, khu vực chứa rác sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại.

- Nội dung: Giám sát thành phần, khối lượng mỗi loại chất thải phát sinh tại dự án.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Tổng hợp số liệu, báo cáo định kỳ theo quy định.

5.2. Giám sát chất lượng môi trường trong giai đoạn vận hành

* *Giám sát chất lượng nước thải*

- Vị trí: 02 mẫu nước thải tại hố ga đầu vào và hố ga đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số: Lưu lượng, pH, BOD₅ (20⁰C), TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng *Coliforms*.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

* *Giám sát chất thải rắn*

- Vị trí: các thùng, khu vực chứa rác sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Nội dung: Giám sát thành phần, khối lượng mỗi loại chất thải phát sinh tại dự án.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Tổng hợp số liệu, báo cáo định kỳ theo quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Trong quá trình chuẩn bị, thi công xây dựng dự án:

- Dự án chỉ được phép triển khai thi công xây dựng khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép xây dựng (nếu có), hoàn thành các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, ổn định cuộc sống của các hộ dân bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án theo đúng quy định của pháp luật.

- Thông tin rộng rãi cho chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án biết về các hoạt động thi công của dự án.

- Lập kế hoạch thi công và điều tiết giao thông, không gây xáo trộn và ảnh hưởng đến giao thông khu vực.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý, tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến chất lượng môi trường và những ảnh hưởng bất lợi đến các hoạt động kinh tế, dân sinh, giao thông ở các khu vực diễn ra các hoạt động của dự án.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân lao động làm việc trực tiếp tại dự án.

- Trang bị đầy đủ bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp để lưu giữ chất thải phát sinh. Tổ chức thu gom, quản lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý toàn bộ chất thải phát sinh theo đúng quy định về quản lý chất thải. Các loại chất thải nguy hại phát sinh phải được quản lý, hợp đồng thuê đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, khí thải và tiếng ồn, rung. Đảm bảo chất lượng nước mưa chảy tràn; chống ngập úng và sạt lở trong quá trình thi công.

- Bố trí nhà vệ sinh đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường cho công nhân sử dụng trong suốt quá trình thi công.

- Thực hiện giám sát môi trường theo đúng nội dung chương trình giám sát đã trình bày trong nội dung báo cáo và theo yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra, giám sát.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công dự án.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu có gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường thì phải dừng ngay các hoạt động và tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này, các quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.2. Trong quá trình hoạt động

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.



Handwritten signature

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày đảm bảo toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A) trước khi xả ra môi trường.

- Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án. Chủ dự án có biện pháp thu gom, thoát nước chảy tràn theo chân taluy dọc biên dự án đảm bảo không gây ra ngập úng, ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về đất đai, xây dựng; bảo tồn đa dạng sinh học; thủy lợi, bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; tài nguyên khoáng sản; đảm bảo an toàn giao thông và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Thực hiện giám sát môi trường theo đúng nội dung chương trình giám sát đã trình bày trong nội dung báo cáo và theo yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra, giám sát. Trường hợp có quy chuẩn môi trường mới thay đổi quy chuẩn này thì các chỉ tiêu giám sát và quy chuẩn so sánh được thực hiện theo quy chuẩn mới.

- Chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi dự án; có biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dự án.

- Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này, các quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. /:ye